



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0005076.25
MSM: VT.25.2422.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân A, Phường Mỹ Xuân, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh BR - V T
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Ngày trả kết quả : 14/06/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn thông số Nhà máy đang áp dụng	QCVN 12- MT: 2015/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02		Cột A, Kq=1,0 và Kf=0,9	Cột A, Kq=1 và Kf=0,9
1	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	24	27	27	27
2	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09	-	0,09
3	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045	-	0,045
4	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	0,045	-	0,045
5	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	0,18	-	0,18
6	Đồng (Cu) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	1,8	-	1,8
7	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	0,9	-	0,9
8	Tổng xyanua (CN) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	< 0,0015	0,063	-	0,063
9	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	0,09	-	0,09
10	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 1,2	4,5	-	4,5
11	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	0,18	-	0,18
12	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,03	4,5	-	4,5
13	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	5,42	18	-	18
14	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,27	3,6	-	3,6
15	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	1,1 x 10 ³	3.000	-	3.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT02: Nước thải đầu ra của HTXL nước thải;
- QCVN 12-MT: 2015/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



- (-): Không quy định/ Không phân tích;
- (+): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc

Đinh Tấn Thu



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3977/06-25

Mã mẫu: 2505KT1467 (588/05-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TM-DV TRÁU VIỆT
Địa chỉ lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân A, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2025 Ngày trả kết quả: 02/06/2025
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KT/TV-TS 30-201601

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Kp = 0,8; Kv = 1,0 (Cột B)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 02	83.468	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	70,2	-
3	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	31,1	160
4	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	63	400
5	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	41	680
6	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	433	800
7	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA 29 US EPA 6010D	KPH MDL=0,016	4
8	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA 29 US EPA 7470A	KPH MDL=0,004	-

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

HOÀNG VĂN TÍN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3978/06-25

Mã mẫu: 2505KT1468 (588/05-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TM-DV TRÁU VIỆT
Địa chỉ lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân A, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2025 Ngày trả kết quả: 02/06/2025
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KT/TV-TS 30-201602

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Kp = 0,9; Kv = 1,0 (Cột B)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 02	48.563	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	78,2	-
3	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	35,1	180
4	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	90	450
5	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	51	765
6	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	577	900
7	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA 29 US EPA 6010D	KPH MDL=0,016	4,5
8	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA 29 US EPA 7470A	KPH MDL=0,004	-

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc

HOÀNG VĂN TÍN